

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày 15-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ;

2. Ông Đỗ Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST-QĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn M sinh ngày 23/01/1989; tại: P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã H, P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M sinh năm 1963 và bà: Trần Thị D sinh năm 1961; vợ: Quàng Thị T sinh năm 1991; con: Có 01, sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 156/2011/HSST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xử phạt 24 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2013, chấp hành xong án phí tháng 3/2011; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 09/QĐ-TA

ngày 11/11/2016 của Tòa án nhân dân P, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 12 tháng đã thi hành xong tháng 6/2017.

Bị tạm giữ từ ngày 28/5/2020, đến ngày 02/06/2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an P, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu K sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn B3, xã Q, P, tỉnh Thái Bình.

Người chứng kiến:

- Anh Trịnh Tiến T sinh năm 1995

Địa chỉ: Đà Thôn, xã Quỳnh Khê, P, tỉnh Thái Bình

- Ông Phạm Hữu M sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn C, xã M, P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt anh K, anh T và ông M).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/5/2020, tại thôn Hải Hà, xã M, P, tỉnh Thái Bình, tổ Công tác Công an P phát hiện Nguyễn Văn M đang bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hữu K. Đi cùng K có Trịnh Tiến T. Tổ Công tác đã yêu cầu M, K và Tùng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã M để làm việc. Kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại túi quần bên trái phía trước K đang mặc 01 gói nilon màu hồng, bên trong là giấy trắng có dòng kẻ có chữ màu đen chứa chất bột màu trắng dạng cục (*niêm phong ký hiệu M1*). K khai nhận đó là gói Hêrôin mua của M với giá 300.000 đồng, để sử dụng cho bản thân; kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước M đang mặc số tiền 300.000 đồng, M khai nhận là tiền do bán gói Hêrôin cho K mà có; thu giữ tại vành mũ lưỡi trai M đang đội 02 gói đều là nilon màu hồng, bên trong là giấy trắng có dòng kẻ có số màu đen chứa chất bột màu trắng dạng cục (*niêm phong ký hiệu M2*); kiểm tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 15K1 – 174.28 của M không phát hiện thu giữ gì; kiểm tra người T và chiếc xe mô tô T điều khiển không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn M không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 175/KLGD-PC09 ngày 29/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

“Vật chứng M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Hêrôin), có khối lượng 0,0330 gam (không thấy không nghìn ba trăm ba mươi gam); Vật chứng M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Hêrôin), có khối lượng 0,1642 gam (không thấy một nghìn sáu trăm bốn mươi hai gam).”

Hêrôin STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận: Khoảng 07 giờ ngày 28/5/2020, M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 15K1 – 174.28 của gia đình đến khu vực tổ 2, thị trấn Quỳnh Côi mua của một người không quen biết 03 gói Hêrôin với giá 500.000 đồng rồi cất giấu vào viên mũ lưỡi trai đang đội để bán kiếm lời và điều khiển xe đến Trung tâm y tế P uống Methadone. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi uống Methadone, M điều khiển xe đến khu vực Công ty V thuộc thôn Hải Hà, xã M, P thì gặp Trịnh Tiến T đi xe máy chở Nguyễn Hữu K. K hỏi và mua của M 01 gói Hêrôin với giá 300.000 đồng. M cầm tiền rồi bỏ vào túi quần bên phải phía trước M đang mặc và lấy ra 01 gói Hêrôin bán cho K thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu K khai: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/5/2020 tại khu vực công ty V anh có hỏi và mua của Nguyễn Văn M 01 gói Hêrôin với giá 300.000 đồng, anh đưa tiền cho M, M đưa cho anh 01 gói Hêrôin, anh bỏ vào túi quần bên trái phía trước thì bị phát hiện, bắt giữ. Anh mua ma túy của M thì anh Trịnh Tiến T không biết.

Người chứng kiến anh Trịnh Tiến T khai: ngày 28/5/2020 anh có đi cùng với Nguyễn Hữu K nhưng anh không biết M bán ma túy cho K và không biết K đi mua ma túy.

Bản Cáo trạng số 77/CT-VKSQP ngày 12/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân P, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự

xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/5/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng do bị cáo M bán ma túy cho Nguyễn Hữu K mà có, tuyên tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là heroin thu được của bị cáo và Nguyễn Hữu K được niêm phong trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định số 175 ngày 29/5/2020; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận đã đi mua ma túy về bán để kiếm lời, bị cáo vừa bán cho Nguyễn Hữu K 01 gói ma túy thu về 300.000 đồng, thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an P lập ngày 28/5/2020, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/5/2020, tại khu vực Công ty Sao Vàng, thuộc thôn Hải Hà, xã M, P, Nguyễn Văn M đã

có hành vi bán trái phép cho Nguyễn Hữu K 01 gói ma túy loại Hêrôin có khối lượng 0,0330 gam (*Không phải không nghìn ba trăm ba mươi gam*) thu số tiền 300.000 đồng. Ngoài ra, Nguyễn Văn M còn tàng trữ trái phép tại mũ lưỡi trai đang đội 02 gói Hêrôin có khối lượng 0,1642 gam (*Không phải một nghìn sáu trăm bốn mươi hai gam*) Hêrôin với mục đích để bán kiếm lời. Tổng khối lượng Hêrôin mà Nguyễn Văn M bán trái phép và tàng trữ để bán trái phép để kiếm lời là 0,1972 gam (*Không phải một nghìn chín trăm bảy mươi hai gam*). Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

“Điều 251 Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, làm phát sinh đại dịch HIV/AIDS và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy và háo hức kiếm lời nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân bị cáo thấy: Năm 2011 bị cáo đã bị xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và năm 2016 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Như vậy, bị cáo đã được giáo dục, cải tạo đều liên quan đến ma túy nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

[7] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo phạm tội với động cơ thu lời bất chính nhưng do bị cáo đang bị HIV, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn lại phải nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[10] Đối với Nguyễn Hữu K người đã mua ma túy của bị cáo, do K chưa có tiền án về ma túy, khối lượng ma túy của K mua của M chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Đối với Trịnh Tiến T là người chở Nguyễn Hữu K đi nhưng anh T không biết K đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 02 gói và của Nguyễn Hữu K 01 gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại hêrôin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, đây là loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định, đối với số tiền 300.000 đồng là tiền do bị cáo bán ma túy cho Nguyễn Văn K đây là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp quy định Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda biển kiểm soát 15K1 – 174.28 M sử dụng, Cơ quan điều tra đã thu giữ kết quả xác minh thấy chiếc xe đã bị tẩy xóa toàn bộ không đủ điều kiện để kết luận. Cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/5/2020.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn M do bán ma túy cho Nguyễn Văn K mà có.

(Theo biên lai thu số 0000448 của Chi cục Thi hành án dân sự P, tỉnh Thái Bình)

3.2.Tuyên tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn trả sau giám định: 0,0183 (*Không thấy không nghìn một trăm tám mươi ba gam*) mẫu M1 gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Nguyễn Hữu K và 0,1360 gam (*Không thấy một nghìn ba trăm sáu mươi gam*) mẫu M2 gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của bị cáo Nguyễn Văn M.

(Cụ thể như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự P, tỉnh Thái Bình ngày 14/8/2020).

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yếu bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Duyên
(Đã ký)**

- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA h. Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam;
- UBND xã H, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.